**Phụ lục:**

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN THỎA THUẬN PARIS VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2030**

*(Kèm theo Quyết định số 3283 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NV Số** | **Tên nhiệm vụ** | | **Tên nhiệm vụ cấp tỉnh** | **Phân công các Sở, đơn vị** | | | | **Mục tiêu, kết quả chính cần đạt được** | **Nguồn lực tài chính** | **Năm hoàn thành** |
| **Chủ trì** | **Phối hợp** | | |
| **I** | **GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH** | | | | | | | | | |
| **NV 1** | Thực hiện kiểm kê KNK định kỳ và đánh giá nỗ lực của Việt Nam trong giảm nhẹ phát thải KNK để cập nhật NDC và tham gia đánh giá nỗ lực toàn cầu | | Thực hiện kiểm kê KNK định kỳ các ngành liên quan và đánh giá nỗ lực của tỉnh trong giảm nhẹ phát thải KNK | Sở TNMT | Các Sở CT, XD, GTVT, NNPTNT | | | Tổ chức kiểm kê KNK định kỳ các ngành liên quan của tỉnh | Ngân sách nhà nước  Hỗ trợ quốc tế  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| **NV 5** | Xây dựng và thực hiện các đề xuất Giảm nhẹ phát thải KNK và TTX phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA) cho lĩnh vực công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, nông nghiệp và phát triển nông thôn | | Thực hiện Đề án Giảm phát thải và chuyển quyền giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ tỉnh Thừa Thiên Huế | Sở NNPTNT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | | - Bảo vệ diện tích rừng hiện có  - Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng  - Trồng rừng thâm canh gỗ lớn, gắn với chứng chỉ rừng FSC  - Sử dụng hiệu quả đất dưới tán rừng | Ngân sách nhà nước  Hỗ trợ quốc tế  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2025 |
| Dự án Thí điểm NAMA - Hệ thống chiếu sáng sử dụng năng lượng hiệu quả ở thành phố Huế (VIE/401) | Sở KHĐT | Sở CT, các Sở, ban, ngành, địa phương | | | Các công trình công cộng, hệ thống điện đường, các điểm di sản văn hóa | Ngân sách địa phương  Hỗ trợ quốc tế | 2021 |
| Dự án điện mặt trời tại các xã có địa hình bờ biển của huyện Phong Điền (5 xã Ngũ Điền) | Sở CT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | | Sản xuất điện | Ngân sách địa phương  Hỗ trợ quốc tế | 2021-2025 |
| Dự án Các nhà máy điện mặt trời nổi 1&2 trên mặt đầm phá Tam Giang - Cầu Hai | Sở CT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | | Sản xuất điện | Ngân sách địa phương  Hỗ trợ quốc tế | 2021-2030 |
| Thay thế các loại đèn led cho tất cả các tàu cá đánh bắt xa bờ | Sở CT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | | Điện năng | Ngân sách địa phương  Hỗ trợ quốc tế | 2021-2030 |
| Dự án Nhà máy nhiệt điện khí hóa lỏng LNG | Sở CT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | | Sản xuất điện | Ngân sách địa phương  Hỗ trợ quốc tế | 2026-2030 |
| **II** | **NHIỆM VỤ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU** | | | | | | | | | |
| **NV 18** | Xây dựng kế hoạch thích ứng quốc gia (NAP) | | Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 | Sở TNMT | Các Sở, ban, ngành | | Kế hoạch hành động được UBND tỉnh phê duyệt | | Ngân sách nhà nước | 2021 |
| Xây dựng kịch bản diễn biến tác động của biến đổi khí hậu đến các vùng biển, vùng ven bờ để có hướng tiếp cận và đưa ra các giải pháp phù hợp để thích ứng | Sở TNMT | Các Sở, ban, ngành | | Kịch bản được UBND tỉnh phê duyệt | | Ngân sách nhà nước | 2021-2025 |
| **NV 19** | Rà soát thông tin, dữ liệu hiện có về thích ứng với BĐKH để nghiên cứu đề xuất bổ sung thông tin và phương thức quản lý, chia sẻ dữ liệu tạo thuận lợi cho xây dựng, cập nhật các báo cáo đóng góp của quốc gia về thích ứng với BĐKH | | Đánh giá khí hậu tỉnh Thừa Thiên Huế | Sở TNMT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | Báo cáo tổng hợp đánh giá khí hậu tỉnh Thừa Thiên Huế | | Ngân sách nhà nước | 2021 |
| Dự án Thích ứng và chống chịu với Biến đổi khí hậu tại tỉnh Thừa Thiên Huế (VIE/433) | Sở KHĐT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | Giúp người dân tăng cường khả năng chống chịu với những tác động do BĐKH và cải thiện sinh kế | | Ngân sách nhà nước  Hỗ trợ quốc tế | 2022 |
| **NV 25** | Thực hiện các hoạt động khác về thích ứng với BĐKH nhằm tăng khả năng chống chịu, bảo vệ cuộc sống và sinh kế cho người dân, tạo điều kiện để có đóng góp lớn hơn trong giảm nhẹ phát thải khí nhà kính | | Triển khai Đề án chống xuống cấp các di tích thuộc vùng ven biển TT-Huế (Tháp Phú Diên, Đình Mỹ Lợi, Đình Bàn Môn…) | Sở VHTT | Các địa phương vùng ven biển có di tích và các sở, ban, ngành | | Chống xuống cấp các di tích thuộc vùng ven biển TT-Huế | | Ngân sách nhà nước  Hỗ trợ quốc tế  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2025 |
| Xây dựng và mở rộng cảng cá, âu thuyền kết hợp neo đậu tránh trú bão | Sở NNPTNT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | Đảm bảo an toàn về cảng trong suốt mùa lụt bão | | Ngân sách nhà nước  Hỗ trợ quốc tế  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| Đánh giá diễn biến lũ trên các sông để đề xuất mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế chưa được quy định tại Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ | Sở TNMT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | Quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc địa bàn tỉnh phục vụ công tác phòng, chống, ứng phó với lũ, ngập lụt và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện chiến lược Quốc gia phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | | Ngân sách nhà nước | 2021-2025 |
| Xây dựng cơ sở dữ liệu, lập bản đồ cấp độ rủi ro do thiên tai tỉnh Thừa Thiên Huế | Sở TNMT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | - Có được bộ dữ liệu và phần mềm quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về các loại thiên tai có từ 1976 đến 2020 và tiếp tục cập nhật hàng năm  - Có được bản đồ cấp độ rủi ro do thiên tai tỉnh Thừa Thiên Huế trên nguồn dữ liệu được cập nhật phục vụ công tác cảnh báo, dự báo của tỉnh ra quyết định chỉ đạo | | Ngân sách nhà nước  Hỗ trợ quốc tế | 2021-2030 |
| **NV 29** | Triển khai các phương án và giải pháp, công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách nhằm bảo vệ đời sống nhân dân, đảm bảo quốc phòng an ninh và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; di dời sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, nước biển dâng do bão, lũ lụt, xói lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất | | Xử lý xói lở bờ biển từ huyện Phong Điền đến huyện Phú Lộc | Sở NNPTNT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | Bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng, công trình văn hóa trong khu vực | | Ngân sách nhà nước  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| Phòng chống xói lở bờ sông Hương, sông Bồ, Như Ý, Bù Lu, Bạch yến, Truồi, Bù Lu… | Sở NNPTNT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | Bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng, công trình văn hóa dọc bờ sông | | Ngân sách nhà nước  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| **NV 30** | Quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông; đảm bảo an toàn hồ chứa; tăng cường hợp tác quốc tế giải quyết các vấn đề nước xuyên biên giới, đảm bảo an ninh nguồn nước | | Nâng cấp 08 hồ chứa: Khe Rưng, Khe Râm, Cơn Thộn, Khe Ngang (Hương Trà); Cây Mang, La Ngà, Hòa Mỹ (huyện Phong Điền); Truồi (huyện Phú Lộc) | Sở NNPTNT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | Đảm bảo an toàn hồ chứa | | Ngân sách nhà nước  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| Xây dựng hồ chứa nước Thủy Cam | Sở NNPTNT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | Đảm bảo cấp nước cho dân sinh, nông nghiệp, thủy sản, dòng chảy môi trường | | Ngân sách nhà nước  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| **NV 31** | Quản lý rừng bền vững, ngăn chặn mất rừng và suy thoái rừng; trồng, bảo vệ, phục hồi rừng, chú trọng phát triển rừng trồng gỗ lớn, rừng ven biển | | Phát triển rừng trồng sản xuất gỗ lớn các loài cây bản địa | Sở NNPTNT | Các địa phương | | Diện tích rừng trồng được trồng mới/năm | | Ngân sách nhà nước  Hỗ trợ quốc tế  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| Trồng rừng phòng hộ ven biển, rừng ngập nước | Sở NNPTNT | Các địa phương | | Diện tích rừng trồng được trồng mới/năm | | Ngân sách nhà nước  Hỗ trợ quốc tế  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| **NV 35** | Thực hiện lồng ghép thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng, thông qua phát triển dịch vụ hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng kiến thức bản địa, ưu tiên cộng đồng dễ bị tổn thương nhất | | Mở rộng diện tích KBT ĐNN Tam Giang- Cầu Hai đã được thành lập tại Quyết định 495/QĐ-UBND ngày 20/2/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế; hoàn thiện cơ chế tổ chức, quản lý và vận hành khu bảo tồn trong giai đoạn 2 | Sở TNMT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | - Bảo tồn, phục hồi được sinh cảnh, các hệ sinh thái, thích ứng với những biến động tự nhiên của đầm phá và biến đổi khí hậu  - Đảm bảo sự tham gia của cộng đồng tại địa phương trong quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên đất ngập nước; phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững | | Ngân sách nhà nước  Hỗ trợ quốc tế  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2025 |
| **NV 36** | Quy hoạch đô thị và sử dụng đất, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu tái định cư trên cơ sở kịch bản nước biển dâng; thực hiện quản lý tổng hợp dải ven bờ | | Lập chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường vùng bờ tỉnh Thừa Thiên Huế | Sở TNMT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | Chương trình được UBND tỉnh phê duyệt | | Ngân sách nhà nước  Hỗ trợ quốc tế | 2021-2025 |
| **NV 37** | Chống ngập cho các thành phố; xây dựng các cơ sở hạ tầng đô thị chống chịu với tác động của BĐKH; củng cố và xây mới các công trình cấp, thoát nước đô thị lớn | | Lập Kế hoạch phát triển mạng lưới thủy văn chuyên dùng tỉnh Thừa Thiên Huế | Sở TNMT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | Đảm bảo tính khoa học và hiện đại, đáp ứng nhu cầu và cung cấp thông tin, dữ liệu một cách đầy đủ, kịp thời phục vụ tốt nhất công tác cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn | | Ngân sách nhà nước | 2021-2025 |
| Xây dựng hệ thống cảnh báo lũ; hệ thống quan trắc thủy văn ở các đập thủy lợi | Sở NNPTNT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | Phục vụ vận hành đập an toàn đập và tránh ngập lụt nghiêm trọng ở hạ lưu | | Ngân sách nhà nước  Hỗ trợ quốc tế  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| Duy trì hoạt động của các trạm KTTV hiện có phục vụ công tác cảnh báo, dự báo lũ | Sở NNPTNT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | Bảo dưỡng và duy tu trang thiết bị đường truyền dữ liệu nhằm vận hành chính xác, ổn định ở các trạm khí tượng thủy văn | | Ngân sách nhà nước  Hỗ trợ quốc tế  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| Xây dựng trung tâm ứng cứu ở khu vực dễ bị ngập lụt | Sở NNPTNT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | Đảm bảo an toàn cho người dân trong mùa lụt bão | | Ngân sách nhà nước  Hỗ trợ quốc tế  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| **NV 38** | Củng cố, nâng cấp và hoàn thiện các tuyến đê biển, đê sông xung yếu; kiểm soát xâm nhập mặn các vùng bị ảnh hưởng nặng nề nhất | | Nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn ở một số khu vực quan trọng | Sở NNPTNT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | Đảm bảo an toàn của hệ thống giao thông trong thời gian ngập lụt | | Ngân sách nhà nước  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| Nạo vét một số kênh nhánh sông Hương, Sông Bồ và các sông nhánh | Sở NNPTNT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | Đảm bảo thoát lũ nhanh và tạo cảnh quan môi trường | | Ngân sách nhà nước  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| Sửa chữa nâng cấp đập Thảo Long | Sở NNPTNT | Các Sở, ban, ngành, địa phương | | Đảm bảo phục vụ ngăn mặn, giữ ngọt cũng như tăng cường khả năng thoát lũ | | Ngân sách nhà nước  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2025 |
| **III** | **NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ NGUỒN LỰC** | | | | | | | | | |
| **NV 39** | Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo lại cán bộ, viên chức, người lao động đáp ứng nhu cầu thực hiện Thỏa thuận Paris | Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo lại cán bộ, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh đáp ứng nhu cầu thực hiện Thỏa thuận Paris | | Sở Nội vụ | Sở TNMT, các Sở, ban, ngành, địa phương | Nâng cao nhận thức về BĐKH cho cán bộ, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh | | | Ngân sách nhà nước  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| **NV 41** | Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu ở Việt Nam | Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thực hiện Thỏa thuận Paris | | Sở TNMT | Sở TTTT, các sở ban ngành, địa phương, Đài PT-TH, Báo TTH | Nhận thức của cộng đồng về BĐKH và Thỏa thuận Paris được nâng cao | | | Ngân sách nhà nước | 2021-2030 |
| Xây dựng, triển khai chương trình truyền thông về phòng, chống thiên tai, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu từ cộng đồng | | Sở TNMT | Sở TTTT, các sở ban ngành, địa phương, Đài PT-TH, Báo TTH | Góp phần nâng cao nhận thức người dân về phòng tránh giảm nhẹ thiên tai | | | Ngân sách nhà nước | 2021-2030 |
| **NV 43** | Áp dụng thử nghiệm một số công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu có tiềm năng và phù hợp với điều kiện Việt Nam | Áp dụng thử nghiệm một số công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu có tiềm năng và phù hợp với điều kiện tỉnh Thừa Thiên Huế | | Sở KHCN | Sở TNMT, các Sở, ban, ngành địa phương | Công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với điều kiện tỉnh | | | Ngân sách nhà nước  Hỗ trợ quốc tế  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| Tăng cường khả năng ứng phó với BĐKH của hệ thống y tế, ưu tiên hệ thống y tế cơ sở | | Sở Y Tế | Các địa phương | Trạm y tế xã, phường tại các địa bàn dễ bị ảnh hưởng do tác động của BĐKH có đủ năng lực và cơ sở vật chất đảm bảo đáp ứng một cách có hiệu quả với các tình huống thiên tai và thời tiết cực đoan | | | Ngân sách nhà nước  Hỗ trợ quốc tế  Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| **IV** | **NHIỆM VỤ THIẾT LẬP HỆ THỐNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH (MRV)** | | | | | | | | | |
| **NV 52** | Thiết lập hệ thống Hệ thống MRV cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK ở cấp quốc gia, hướng tới đạt được các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính (KNK) trong NDC | Thiết lập hệ thống Đo đạc, Báo cáo và Thẩm định cho giảm nhẹ phát thải KNK cấp tỉnh theo quy định và hướng dẫn của Khung MRV cấp quốc gia | | Sở TNMT | Các Sở: CT NNPTNT, GTVT, XD | - 01 Khung MRV cho giảm nhẹ khí nhà kính cấp tỉnh đã được xây dựng  - 01 Quy chế tổ chức thực hiện, vận hành và quản lý hệ thống MRV cho giảm nhẹ phát thải KNK cấp tỉnh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và ban hành  - Số cán bộ/nhân viên đã được tập huấn về hệ thống và thực hiện MRV cho giảm nhẹ và phát thải KNK  - Số lớp tập huấn liên quan đến MRV cho giảm nhẹ phát thải KNK được tổ chức  - Số hội thảo về MRV cho giảm nhẹ phát thải KNK đã được tổ chức  - Số cán bộ/nhân viên tham gia xây dựng và vận hành hệ thống MRV | | | Ngân sách nhà nước  Hỗ trợ quốc tế | 2021-2030 |
| **NV 58** | Thiết lập hệ thống MRV cho các hoạt động thích ứng với BĐKH cấp quốc gia, cấp tỉnh | Theo dõi, cập nhật hệ thống MRV về thích ứng với BĐKH của cấp quốc gia để áp dụng cho tỉnh | | Sở TNMT | Các sở ban ngành, địa phương | Kế hoạch điều chỉnh và lồng ghép/tích hợp MRV cho thích ứng với BĐKH của tỉnh với hệ thống MRV cho thích ứng với BĐKH cấp quốc gia | | | Ngân sách nhà nước  Hỗ trợ quốc tế | 2021-2030 |
| **V** | **NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, THỂ CHẾ** | | | | | | | | | |
| **NV 65** | Tiếp tục triển khai lồng ghép các vấn đề BĐKH và TTX vào trong các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình ưu tiên cho đầu tư phát triển | Lồng ghép các nội dung về biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh | | Sở KHĐT | Các sở, ban, ngành | Số lượng các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình được lồng ghép. | | | Ngân sách nhà nước | 2021-2030 |